

Bản án số: **407/2024/HC-PT**

Ngày: 25-10-2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Lê Văn Thường**

*Các Thẩm phán:*

**Ông Nguyễn Văn Tào**

**Ông Phạm Văn Hợp**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thu Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
**Ông Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 244/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2024 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1978/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông **Văn Viết T**, sinh năm 1969; Địa chỉ: **7 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* ông **Lê Thanh T1** - Sinh năm 1993. Địa chỉ: **thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Vũ Văn H** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **B**; vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông **Lê Đại T2** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **B**; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố:* Ông **Phạm Văn N** - Trưởng phòng Kỹ Thuật và Giải phóng mặt bằng, Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà **Nguyễn Thị Thu H1**, anh **Văn Viết H2**, anh **Văn Viết T3** (vợ và con ông **T**). Địa chỉ: **7 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Gia đình ông **Văn Viết T** sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.004,1 m<sup>2</sup> tại **phường T, thành phố B**. Thửa đất do gia đình ông **T** nhận giao khoán với **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên C** (sau đây viết tắt là **Công ty C**) theo hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 144-Đ1/2015/HĐKT ngày 01/6/2015. Gia đình ông **T** trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên, ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Nay Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất **đường C, tổ dân phố D, phường T**, trong đó thu hồi toàn bộ diện tích đất của gia đình ông **T**. Gia đình ông **T** được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của **UBND thành phố B**. Tại hai quyết định này, **UBND thành phố B** không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông **T** theo quy định.

Do vậy, ông **Văn Viết T** khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của **UBND thành phố B**; buộc **U** hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các thành viên trong gia đình.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại T2 trình bày:**

Hộ ông **Văn Viết T** nhận khoán đất sản xuất cà phê với **Công ty TNHH MTV C** tại Hợp đồng số 144 Đ1/2015/HĐKT ngày 01/6/2015, thửa đất số 82a, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.000 m<sup>2</sup>, **phường T, thành phố B** (nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ dự án số 27, diện tích đất thu hồi 4.004,1 m<sup>2</sup>), thời hạn hợp đồng từ năm 2015 đến năm 2030.

Năm 2017 **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất của **Công ty C** (do giải thể) giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, trong đó có thửa đất của hộ ông **Văn Viết T**. Tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, **tổ dân phố D, phường T, thành phố B** (đợt 01), trong đó hộ gia đình ông **T** được bồi thường, hỗ trợ

607.310.532 đồng, gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, nhà, tài sản vật kiến trúc và hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm.

Đối với nội dung khởi kiện của ông **Văn Viết T**: Căn cứ kết quả xác minh ngày 18/3/2022 của **UBND phường T**, hộ ông **Văn Viết T** có 04 nhân khẩu, trong đó có 02 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp và làm xây dựng tại **Công ty TNHH X** (ông **Văn Viết T** và bà **Nguyễn Thị Thu H1**); 02 nhân khẩu là sinh viên. Công văn số 1766/BHXH-QLT ngày 26/9/2022 của Bảo hiểm **Xã hội tỉnh Đ** thể hiện hộ ông **Văn Viết T** có ông **Văn Viết T** và bà **Nguyễn Thị Thu H1** hưởng lương thường xuyên và tham gia bảo hiểm xã hội tại **Công ty TNHH X** và 02 nhân khẩu là 02 người con không tham gia bảo hiểm xã hội. Căn cứ khoản 3, Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của **Bộ T4** thì hộ gia đình ông **Văn Viết T** không đủ điều kiện để hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông **Văn Viết T**.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1, anh Văn Viết H2, anh Văn Viết T3:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng nên không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến đơn khởi kiện của ông **T**.

**Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của **Ủy ban nhân dân thành phố B** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, **tổ dân phố D, phường T, thành phố B** (đợt 01).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Văn Viết T** về việc hủy một phần Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 **Ủy ban nhân dân thành phố B** về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, **tổ dân phố D, phường T, thành phố B** (đợt 01) để **Ủy ban nhân dân thành phố B** hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Văn Viết T**.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2024, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Lê Thanh T1** kháng cáo với nội dung sửa bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và bác kháng cáo của **Văn Viết T** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông **Văn Viết T**; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Theo kết quả xác minh ngày 18/3/2022 của UBND phường T thì hộ ông **Văn Viết T** có 04 nhân khẩu, trong đó ông **Văn Viết T** và bà **Nguyễn Thị Thu H1** là nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp và làm xây dựng tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X; 02 nhân khẩu còn lại là sinh viên.

[1.2] Công văn số 1766/BHXH-QLT ngày 26/9/2022 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đ thể hiện ông **Văn Viết T** và bà **Nguyễn Thị Thu H1** hưởng lương thường xuyên và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH X.

[1.3] Điểm đ Khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (Sửa đổi bổ sung Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014) quy định như sau:

“5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:

.....

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:.....”

[1.4] Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T4 quy định:

“3. Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận;

b) Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;

c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh;”

[1.5] Như vậy, căn cứ quy định nêu trên thì hộ gia đình ông **Văn Viết T** có 02 người hưởng lương thường xuyên, 02 người đang là sinh viên nên không đủ điều kiện để hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó, **UBND thành phố B** không hỗ trợ là đúng quy định.

[1.6] Mặt khác, Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 là quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh một số nội dung bồi thường, hỗ trợ của Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022, trong đó có hộ ông **Văn Viết T**. Nên việc ông **T** yêu cầu phải bổ sung nội dung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có cơ sở xem xét.

[1.7] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông **Văn Viết T** không cung cấp chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông **Văn Viết T** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông **Văn Viết T** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T4; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,*

### **Tuyên xử:**

1. Bác kháng cáo của ông **Văn Viết T** và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2024/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 01).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Văn Viết T** về việc hủy một phần Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B (đợt 01) để Ủy

**ban nhân dân thành phố B** hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Văn Viết T**.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Văn Viết T** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012942 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, ông **T** đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Lê Văn Thường**